

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24-11-2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Chi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Hưng

Ông Trịnh Hữu Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965

Địa chỉ: Ấp 11, xã Khánh T, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Huỳnh Công C, sinh năm 1966

Địa chỉ: Ấp 11, xã Khánh T, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng NN.

Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, phường TC, quận BD, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Chí D, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng NN - chi nhánh huyện U, tỉnh Cà Mau.

Ông Nguyễn Chí D ủy quyền cho ông Tạ Quốc L, Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau.

(Theo Quyết định số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 và Giấy ủy quyền số: 43/UYYT-NHNoUM ngày 02/11/2020).

Bà H, ông C có mặt, ông Tạ Quốc L có đơn xin vắng mặt ngày 24/11/2020.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Ngày 16 tháng 12 năm 1993 âm lịch được sự đồng ý của gia đình hai bên bà và ông Huỳnh Công C làm đám cưới và tự nguyện chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc và có một đứa con nhưng thời gian gần đây vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng và phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng ý kiến trong sinh hoạt hàng ngày, không có sự quan tâm nhường nhịn nhau. Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống không còn hạnh phúc nên bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Công C.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Trúc M, sinh ngày 16/10/1993 đã trưởng thành có đầy đủ khả năng lao động nên không yêu cầu.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà sẽ tự thỏa thuận khi nào không thỏa thuận được bà sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng NN hai khoản vay: một khoản thứ nhất là thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Huỳnh Công C vay số tiền gốc khoảng một trăm triệu đồng; khoản vay thứ hai thế chấp sổ hợp đồng giao khoán đất rừng mang tên Huỳnh Công C ủy quyền cho bà vay số tiền gốc khoảng 80.000.000 đồng, hai khoản vay này bà không nhớ chính xác số tiền gốc là bao nhiêu. Khoản nợ của Ngân hàng bà yêu cầu để vợ chồng bà tự trả riêng cho Ngân hàng không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án này.

Bị đơn ông Huỳnh Công C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 16 tháng 11 năm 1993 âm lịch ông và bà Nguyễn Thị H làm đám cưới và chung sống với nhau, hôn nhân tự nguyện, nguyên nhân mâu thuẫn bà H trình bày có phần đúng, có phần chưa đúng. Ông muốn được hàn gắn để lo cho con nhưng bà H cương quyết ly hôn thì ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Trúc M, sinh ngày 16/10/1993 đã trưởng thành có đầy đủ khả năng lao động nên không yêu cầu.

Về tài sản chung: Vợ chồng ông sẽ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này khi nào không thỏa thuận được sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng NN hai khoản vay: một khoản thứ nhất là thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Huỳnh Công C vay số tiền gốc khoảng một trăm triệu đồng; khoản vay thứ hai thế chấp sổ hợp đồng giao khoán đất rừng mang tên Huỳnh Công C ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H vay số tiền gốc khoảng 80.000.000 đồng, hai khoản vay này ông không nhớ chính xác số tiền vay gốc là bao nhiêu. Khoản nợ của Ngân hàng ông yêu cầu để vợ chồng ông tự trả riêng cho Ngân hàng không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án này.

Tại công văn số 40/NHNo-UM ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Ngân hàng NN chi nhánh huyện U thể hiện:

Vào ngày 11/10/2017 ông Huỳnh Công C đứng tên thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tổng diện tích 27.880m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành D0824549; số vào sổ 07283; thửa số 0080, 0161, 0198 tờ bản đồ số 01, 02 do Ủy ban nhân dân huyện U Minh ký ngày 30/10/1995. Ngày 24/12/2019 ông Huỳnh Văn Cấn đã ký hợp đồng hạn mức tín dụng số tiền 300.000.000 đồng với ngân hàng Ngân hàng NN chi nhánh huyện U, tỉnh Cà Mau và ký giấy nhận nợ số tiền 155.000.000 đồng, đến ngày 26/10/2020 dư nợ tại Ngân hàng gồm tiền gốc: 155.000.000 đồng, tiền lãi 7.983.562 đồng;

Ngày 02/6/2020 ông Huỳnh Công C đứng tên thế chấp 01 sổ hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp tổng diện tích 61.314,4m² để ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H ký hợp đồng hạn mức 200.000.000 đồng với Ngân hàng NN chi nhánh huyện U và ký giấy nhận nợ số tiền 110.000.000 đồng. Đến ngày 26/10/2020 dư nợ tại Ngân hàng là tiền gốc 110.000.000 đồng, tiền lãi 0 đồng. Việc tranh chấp ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Công C Ngân hàng NN không có ý kiến, do hợp đồng tín dụng còn trong hạn và không có ảnh hưởng đến tài sản thế chấp tại Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng NN ông Tạ Quốc Lý có đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng NN ông Tạ Quốc Lý.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H cho rằng bà và ông Huỳnh Công C làm đám cưới và tự nguyện chung sống với nhau vào ngày 16/12/1993 âm lịch nhưng không đăng ký kết hôn còn ông Huỳnh Công C cho rằng là ngày 16/11/1993 âm lịch cũng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, mặc dù bà H và ông C xác định thời gian chung sống có khác nhau về ngày tháng nhưng đều xác định tổ chức đám cưới vào năm 1993 và không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông C không được pháp luật công nhận, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Công C là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Công C xác định có 01 người con chung tên Huỳnh Trúc M, sinh ngày 16/10/1993 đã trưởng thành và có đầy đủ khả năng lao động không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị H, ông Huỳnh Công C cùng xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp các đương sự không tự thỏa thuận được có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị H, ông Huỳnh Công C cùng xác định ông bà có các khoản nợ vay của Ngân hàng NN đúng như văn bản của Ngân hàng đã thể hiện gồm: khoản vay thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Huỳnh Công C đứng tên vay gốc 155.000.000 đồng, tiền lãi 7.983.562 đồng và khoản vay tiền thế chấp 01 sổ hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp vay số tiền 110.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Công C yêu cầu được trả riêng cho Ngân hàng không yêu cầu giải quyết trong vụ án này; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng NN có văn bản thể hiện không có ý kiến đối với các khoản vay của bà H và ông C vì hợp đồng vẫn còn trong thời hạn, không ảnh hưởng đến tài sản thế chấp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong cùng vụ án này. Trường hợp giữa các đương sự xảy ra tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Công C là vợ chồng.

- Về nuôi con chung: Có 01 người con chung tên Huỳnh Trúc M, sinh ngày 16/10/1993 đã trưởng thành và có đầy đủ khả năng lao động nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H, ông Huỳnh Công C xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Không xem xét, trường hợp giữa các đương sự xảy ra tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0005208 ngày 02/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà H, ông C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ngân hàng NN vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được thực hiện niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Mộng Chi